PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Địa chỉ xã/phường	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
				Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2. Số 735 đường Nguyễn Văn Linh	Phường An Biên	TPHP070	408.0	800.0	800.0	792,794	800.0	2	Thương mại, dịch vụ	63,424,000	Trong vòng **06** ngày kể từ thời điểm Thông báo **(từ 07h30' ngày 21/11/2026 đến 15h00' ngày 26/11/2026)**, tổ chức, cá nhân nộp phiếu đăng ký thuê nhà tại: Trung tâm Phát triển quỹ đất, số 22 đường Phan Bội Châu, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; tiền đặt trước nộp vào Số tài khoản: 115654868686 tại Ngân hàng VietinBank, Chi nhánh Hải Phòng **(Trong giờ hành chính)**	Thời gian tổ chức xác định người được quyền thuê nhà bắt đầu từ **9h00' ngày 27/11/2026 tại phòng họp Tầng 1** - Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng, số 22 đường Phan Bội Châu, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	
2	Trụ sở UBND Phường Nam Sơn - Cơ sở 2 (xã Bắc Sơn cũ) (TDP số 2, phường Nam Sơn, quận An Dương)	Phường An Dương	TPHP071	3,622.7	1,991.8	1,991.8	288,356	1,991.8	2	Thương mại, dịch vụ	57,435,000			
3	Trường Tiểu Học Quốc Tuấn cs2 (Địa chỉ: TDP Nhu Kiều, Phường An Dương, TP Hải Phòng)	Phường An Dương	TPHP072	2,724.0	222.0	222.0	1,405,214	222.0	2	Thương mại, dịch vụ	31,196,000			
4	Trường mầm non Đặng Cương cơ sở 2	Phường An Dương	TPHP073	1,590.0	150.0	150.0	1,563,612	150.0	2	Thương mại, dịch vụ	23,454,000			
5	Trạm y tế phường Nam Sơn cũ - Tổ dân phố Cách Hạ	Phường An Dương	TPHP074	2,009.0	600.0	600.0	680,712	600.0	2	Thương mại, dịch vụ	40,843,000			
6	Trụ sở cũ của Phòng Y tế quận Ngô Quyền. Số 7 đường Phạm Minh Đức	Phường Gia Viên	TPHP075	100.0	200.0	200.0	1,078,495	200.0	2	Thương mại, dịch vụ	21,570,000			
7	Trụ sở cũ phòng GDĐT quận Ngô Quyền, Địa chỉ: Số 07 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ	Phường Gia Viên	TPHP076	252.6	567.6	567.6	709,662	567.6	2	Thương mại, dịch vụ	40,280,000			
8	Số 40 Đinh Tiên Hoàng	Phường Hồng Bàng	TPHP077	104.3	350.0	350.0	1,137,911	350.0	2	Thương mại, dịch vụ	39,827,000			
9	Trụ sở Đảng ủy - HDND - UBND phường Dư Hàng (cũ) Số 80A Dư Hàng	Phường Lê Chân	TPHP078	177.0	872.0	872.0	451,271	872.0	2	Thương mại, dịch vụ	39,351,000			
10	Trụ sở BHXH cơ sở Lê Chân tại 126 Hai Bà Trưng, phường Lê Chân	Phường Lê Chân	TPHP079	105.0	450.0	450.0	509,380	450.0	2	Thương mại, dịch vụ	22,922,000			
11	Trụ sở UBND phường Trại Cau cũ (số 90 Mê Linh)	Phường Lê Chân	TPHP080	149.8	898.8	898.8	564,621	898.8	2	Thương mại, dịch vụ	50,748,000			
12	Trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND phường Hồ Nam cũ (số 288 Tô Hiệu, quận Lê Chân cũ)	Phường Lê Chân	TPHP081	102.0	560.0	560.0	1,245,436	560.0	2	Thương mại, dịch vụ	69,744,000			

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Địa chỉ xã/phường	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
				Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
13	Tòa án nhân dân Lê chân (54 Tô Hiệu)	Phường Lê Chân	TPHP082	370.0	370.0	370.0	1,231,983	370.0	2	Thương mại, dịch vụ	45,583,000			
14	Trụ sở UBND phường Cầu Đất cũ (số 120 Cầu Đất)	Phường Lê Chân	TPHP083	128.1	778.6	778.6	511,339	778.6	2	Thương mại, dịch vụ	39,813,000			
15	Cơ sở Nhà, đất là VKSND quận Ngô Quyền (cũ) nay là phường Ngô Quyền	Phường Ngô Quyền	TPHP084	86.9	180.0	180.0	451,085	180.0	2	Thương mại, dịch vụ	8,120,000			
16	Trường tiểu học Hoàng Động cũ	Phường Thiên Hương	TPHP085	3,511.0	280.0	280.0	1,386,367	280.0	2	Thương mại, dịch vụ	38,818,000			
17	Trụ sở trường mầm non Tự Cường (khu lẻ): thôn Mỹ Ngư xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng	TPHP086	1,461.0	600.0	600.0	803,243	600.0	2	Thương mại, dịch vụ	48,195,000			
18	Nhà Văn hóa thôn Sinh Đan, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng	TPHP087	348.0	120.0	120.0	736,844	120.0	2	Thương mại, dịch vụ	8,842,000			
19	Trường mầm non Văn Tràng 2	Xã An Lão	TPHP088	673.0	150.0	150.0	1,004,034	150.0	2	Thương mại, dịch vụ	15,061,000			
20	Trường mầm non An Thắng cũ	Xã An Lão	TPHP089	1,159.0	305.0	305.0	991,958	305.0	2	Thương mại, dịch vụ	30,255,000			
21	Trường mầm non Xuân Áng	Xã An Lão	TPHP090	2,023.0	450.0	450.0	1,394,889	450.0	2	Thương mại, dịch vụ	62,770,000			
22	Trường Tiểu học Du Lễ (cũ)	xã Nghi Dương	TPHP091	2,067.0	1,300.0	1,300.0	249,759	1,300.0	2	Thương mại, dịch vụ	32,469,000			
23	Nhà Trẻ Nam Phong 2	Xã Tân Minh	TPHP092	600.0	70.0	70.0	883,866	70.0	2	Thương mại, dịch vụ	6,187,000			
24	Cơ sở nhà, đất KBNN Tiên Lãng (cũ)	Xã Tiên Lãng	TPHP093	925.0	627.0	627.0	338,138	627.0	2	Thương mại, dịch vụ	21,203,000			
25	Trụ Sở UBND xã Tiên Thanh cũ: Thôn Hà Dơi, xã Tiên Lãng, Hải Phong	Xã Tiên Lãng	TPHP094	2,623.8	1,433.0	1,433.0	547,432	1,433.0	2	Thương mại, dịch vụ	78,447,000			

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQDTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Địa chỉ xã/phường	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
				Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
26	Trụ sở UBND xã Tân Hưng (cũ)	xã Vĩnh Bảo	TPHP095	1,606.7	900.0	900.0	406,685	900.0	2	Thương mại, dịch vụ	36,602,000			
27	Trụ sở UBND xã Vĩnh Hải (Hưng Nhân cũ) Địa chỉ: Thôn An Biên, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Bảo	Xã Vĩnh Hải	TPHP096	4,440.0	2,014.8	2,014.8	244,874	2,014.8	2	Thương mại, dịch vụ	49,337,000			
28	Mẫu giáo Hà Phương cũ	Xã Vĩnh Thịnh	TPHP097	1,980.0	380.0	380.0	262,185	380.0	2	Thương mại, dịch vụ	9,963,000			
29	Trụ sở UBND xã Giang Biên cũ	Xã Vĩnh Thuận	TPHP098	1,116.0	1,143.0	1,143.0	1,010,210	1,143.0	2	Thương mại, dịch vụ	115,467,000			
30	Trụ sở nhà làm việc Đội thị chính huyện Cát Hải cũ (thôn 18 Cát Bà, thị trấn Cát Bà cũ)	Đặc Khu Cát Hải	TPHP099	395.6	467.0	467.0	565,416	467.0	2	Thương mại, dịch vụ	26,405,000			
31	Cơ sở nhà, đất KBNN Cát Hải (cũ)	Đặc Khu Cát Hải	TPHP100	180.0	940.0	940.0	859,752	940.0	2	Thương mại, dịch vụ	80,817,000			
32	Trường Tiểu học Hưng Đạo khu Vọng Hải	Phường Hưng Đạo	TPHP101	355.0	135.0	135.0	777,297	135.0	2	Thương mại, dịch vụ	10,494,000			
33	Thuế cơ sở 6, xã Kiến Thụy	Xã Kiến Thụy	TPHP102	128.6	60.0	60.0	1,579,743	60.0	2	Thương mại, dịch vụ	9,478,000			
34	Trường Mầm non khu xóm Gia xã Minh Tân (cũ)	Phường Bạch Đằng	TPHP103	1,710.0	651.3	651.3	929,716	651.3	2	Thương mại, dịch vụ	60,552,000			
35	Trường MN Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc	TPHP104	1,846.0	217.6	217.6	406,533	217.6	2	Thương mại, dịch vụ	8,846,000			
36	Trường THCS Hợp Thành	Phường Lê Ích Mộc	TPHP105	2,885.0	758.0	758.0	252,551	758.0	2	Thương mại, dịch vụ	19,143,000			
37	Trụ sở UBND xã An Tiến cũ	Xã An Lão	TPHP106	1,890.0	414.0	414.0	1,273,570	414.0	2	Thương mại, dịch vụ	52,726,000			
38	Trụ sở UBND xã Tam Cường (Vĩnh Tiến cũ)	Xã Vĩnh Am	TPHP107	1,450.0	366.0	366.0	1,263,509	366.0	2	Thương mại, dịch vụ	46,244,000			

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 2)

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Địa chỉ xã/phường	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước làm tròn (đồng)	Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước	Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà	Vị trí Google Map
				Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
39	Trường mầm non Thượng Đồng	Xã Vĩnh Hòa	TPHP108	1,064.0	130.0	130.0	660,826	130.0	2	Thương mại, dịch vụ	8,591,000			
40	Nhà quản lý đường tỉnh 353 thuộc Sở Xây dựng	Phường Dương Kinh	TPHP109	600.9	96.7	96.7	1,631,267	96.7	2	Thương mại, dịch vụ	15,768,000			
41	Trụ sở cũ Hội cựu chiến binh quận Ngô Quyền. (Số 205 đường Lê Lợi)	Phường Gia Viên	TPHP110	56.6	56.6	56.6	983,755	56.6	2	Thương mại, dịch vụ	5,568,000			
42	Trạm y tế phường Gia Viên 240 Lê Lợi	Phường Gia Viên	TPHP111	23.6	23.6	23.6	2,168,916	23.6	2	Thương mại, dịch vụ	5,119,000			
43	Nhà Văn hóa thôn Thọ Xuân cũ	Xã Kiến Thụy	TPHP112	396.0	97.0	97.0	720,838	97.0	2	Thương mại, dịch vụ	6,992,000			
44	Trương mầm non thị trấn (khu Bắc Hải)	xã Vĩnh Bảo	TPHP113	389.0	116.0	116.0	1,104,193	116.0	2	Thương mại, dịch vụ	12,809,000			